

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

Hà Nội - 09/2020



MỤC LỤC

I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1: Định nghĩa	4
II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty.	5
III- MỤC TIÊU PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3: Mục tiêu của Công ty.....	6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	8
Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.....	9
Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 8: Thu hồi cổ phần	10
V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty:.....	11
Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông	13
Điều 12: Đại hội đồng Cổ đông.....	13
Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 14: Các đại diện được ủy quyền	16
Điều 15: Thay đổi các quyền.....	17
Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo	17
Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ.....	19
Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.....	21
VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ	21
Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	22
Điều 21: Chủ tịch, thành viên HĐQT.....	24
Điều 22: Các cuộc họp của HĐQT	25
VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	28
Điều 23: Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 24: Cán bộ quản lý cấp cao.....	28
Điều 25: Cán bộ quản lý khác	29
Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	29
Điều 27: Thư ký Công ty	30
IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	31
Điều 28: Trách nhiệm quan trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	31
Điều 29: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 30: Trách nhiệm và bồi thường.....	32
X- BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 31: Bổ nhiệm Ban kiểm soát.....	33
Điều 32: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
XI- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 33: Công nhân viên và công đoàn:	35
XII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	36

Điều 34: Cổ tức	36
XIII- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	37
Điều 35: Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 36: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác.....	37
Điều 37: Năm tài khóa.....	37
Điều 38: Hệ thống kế toán.....	38
XIV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	38
Điều 39: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng năm.....	38
XV- KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 40: Kiểm toán	38
XVI- CON DẤU.....	39
Điều 41: Con dấu.....	39
XVII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	39
Điều 42: Chấm dứt hoạt động	39
Điều 43: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông.....	39
Điều 44: Thanh lý.....	40
XVIII- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 45: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XIX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 46: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	41
XX- NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 47: Ngày hiệu lực.....	41
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Truyền thông VMG, là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Công ty khi thành lập Công ty và Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 03 tháng 10 năm 2007 và được sửa đổi theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Điều lệ này được sửa đổi lần cuối vào ngày 11/09/2020.

I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa


1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - b) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - c) “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - d) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - e) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015.
 - f) “Cán bộ quản lý cấp cao” có nghĩa là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự, Kế toán trưởng của Công ty và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.
 - g) “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - h) “Cổ đông” có nghĩa là cá nhân, tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
 - i) “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- j) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
 - k) “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.
 - l) “ĐHĐCĐ” có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.
 - m) “HDQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - n) “BKS” có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty.
 - o) “Cổ phần có quyền chào bán” là cổ phần được bán trong một lần phát hành.
2. Trong Điều lệ này bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là “Công ty cổ phần truyền thông VMG”. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là “VMG Media Joint Stock Company”.
2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà PEAKVIEW Tower, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: (024) 3 5378820
4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HDQT và trong phạm vi Luật cho phép.
6. Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. 


III- MỤC TIÊU PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của công ty là:
 - a) Công thông tin (trừ hoạt động báo chí);
 - b) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
 - c) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - d) Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
 - e) Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số cả các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông;
 - f) Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc;
 - g) In ấn;
 - h) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - i) Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
 - j) Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
 - k) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - l) Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
 - m) Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - n) Quảng cáo;
 - o) Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
 - p) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;

- q) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- r) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- s) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- t) Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- u) Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu;
- v) Hoạt động thể thao khác;
- w) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- x) Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới hàng hóa;
- y) Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;
- z) Giáo dục nhà trẻ;
- aa) Giáo dục mẫu giáo;
- bb) Đào tạo sơ cấp;
- cc) Đào tạo trung cấp;
- dd) Đào tạo cao đẳng;
- ee) Giáo dục thể thao và giải trí;
- ff) Giáo dục văn hóa nghệ thuật
- gg) Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; Dạy máy tính; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho sinh viên yếu kém; Dạy lái xe cho người không hành nghề lái xe.

2. Mục tiêu của Công ty là:

- a) Trở thành một công ty kinh doanh có uy tín và thành công trên thị trường Việt Nam và quốc tế trong các lĩnh vực nêu trên;
- b) Tạo ra lợi nhuận cho Cổ đông và việc làm cho xã hội. 

3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Cổ phần do Công ty phát hành là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Trường hợp cần thiết, công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Vào ngày thông qua Điều lệ lần đầu, Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng (hai mươi sáu tỉ đồng).

Vào ngày sửa đổi cuối cùng của Điều lệ này, Vốn điều lệ của công ty là 203.930.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.393.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được đại hội đồng Cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
5. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là 1 phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được Cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của HĐQT. HĐQT có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ

phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ phi các Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà ĐHCĐ đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được HĐQT dùng làm phần thưởng cho nhân viên, kể cả nhân viên quản lý và thành viên HĐQT, theo quy định đã được thông qua bởi ĐHCĐ, hoặc chào bán theo hình thức được ĐHCĐ cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm hoặc không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của ĐHCĐ, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được quyền mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (đối với cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.

Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi danh trong sổ đăng ký Cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

2. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình, trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần phải lập bằng văn bản và đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông. Sau thời điểm đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông, các bên không có quyền khiếu kiện về việc chuyển nhượng cổ phần. Chỉ có Cổ đông có tên trong sổ đăng ký Cổ đông mới được công nhận là Cổ đông hợp pháp của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Khi công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng các cổ phiếu có quyền chào bán tự do trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
6. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, chỉ người sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã chết:
 - a) Người thừa kế duy nhất hợp pháp và do cơ quan có thẩm quyền công nhận;
 - b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ công nhận đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

Những quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo và bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Mọi cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ một người nào khác.
5. Một Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 8% một năm) theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Ban kiểm soát;
- c) Hội đồng quản trị; và
- d) Tổng Giám đốc (Giám đốc).

VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty:

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có tên trong sổ đăng ký Cổ đông và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở

hữu. Trách nhiệm của mỗi Cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông nắm giữ.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp; hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức;
- c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và luật pháp;
- d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Trong trường hợp công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ đông ưu đãi;
- g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
- h) Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- i) Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi Cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật kinh doanh, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...);
- j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

- a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông;

- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.


Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

- 2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- 3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT.
- 4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 12: Đại hội đồng Cổ đông

- 1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả Cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.
- 2. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c) Khi số thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d) Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Điều 10 khoản 3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan); và 

- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm c Khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d hoặc điểm e Khoản 3 trên đây.
 5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 12 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
 6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 12 này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo yêu cầu nêu tại điểm d Khoản 3 của Điều 12 này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
 7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
 8. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các Cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và
 - f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó;
 - e) Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - f) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - g) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - h) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - k) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - m) Chấp thuận các giao dịch khi Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 khoản 1 của Luật Doanh nghiệp; và

- n) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:
- a) Các hợp đồng quy định tại điểm m Điều 13.2 nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.
4. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14: Các đại diện được ủy quyền

1. Các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận và:
 - a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó;
 - b) Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
 - a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
 - c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 15: Thay đổi các quyền

1. Với sự chấp thuận của ĐHĐCĐ như được quy định tại Điều 13.2, khi vốn của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với Nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.
2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và 18.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 12.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng Cổ đông;

chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;

- b) Xác định thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ; và
 - c) Thông báo cho tất cả các Cổ đông về đại hội và gửi thông báo cho họ.
3. Thông báo ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội; Phiếu biểu quyết; và Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo về ĐHĐCĐ có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu công ty có Website, thông báo về họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải làm bằng văn bản và được gửi cho Công ty ít nhất 10 ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, nhóm Cổ đông, số lượng và loại cổ phần họ nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:
- a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
 - c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và
 - d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các Nghị quyết.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.
7. Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ thì những Nghị quyết được đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi ĐHĐCĐ không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, hoặc nếu chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng hoặc bất kỳ người nào khác do đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của đại hội, chủ tọa không nhất thiết là thành viên nào của HĐQT. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản của đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.
3. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sát nhập; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.
4. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các Cổ đông ngay khi ĐHĐCĐ kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
5. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Trong ĐHĐCĐ triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.
6. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, thủ tục đăng ký Cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
7. Cổ đông đến ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó

để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

8. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
9. Không cần lấy ý kiến của đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa ĐHĐCĐ cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại ĐHĐCĐ đã bị trì hoãn trước đó.
10. Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy là cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
11. HĐQT có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà HĐQT cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, HĐQT có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.
12. HĐQT có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp đại hội Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).

HĐQT có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm đại hội, HĐQT có thể:
 - a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm đại hội chính”);



- b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm đại hội chính có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm đại hội chính.

Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

1. Các Nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.
2. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các Nghị quyết của Cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản.
 - a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến để các Cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin;
 - c) Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại khoản 1 của Điều này có giá trị tương đương các Nghị quyết do ĐHĐCĐ thông qua.

VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 4 người và không nhiều hơn 9 người. Ít nhất một phần ba số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập không điều hành.
2. Đề cử thành viên HĐQT:
 - a) Mỗi Cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử ứng cử viên vào HĐQT. Nếu số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ trên 10% đến 20% thì họ được quyền đề cử một thành viên để bầu vào HĐQT; nếu chiếm từ trên 20% đến 30% thì họ được quyền đề cử 2 thành viên; nếu từ trên 30% đến 40% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu hơn 40% thì họ được đề cử 4 thành viên.

- b) Những Cổ đông nắm giữ ít hơn hoặc bằng 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của HĐQT. Số lượng người được đề cử theo tỷ lệ như quy định tại mục a.
3. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- a) Thành viên không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được sự chấp thuận của HĐQT, thể hiện bằng việc 2/3 số phiếu biểu quyết chấp thuận của HĐQT.
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4. HĐQT có thể được bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ tiếp sau đó. Ngay khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Thành viên HĐQT được chỉ định để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng thường niên tiếp theo.
5. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
2. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng quyết định, tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính. Chấp thuận đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. HĐQT phải nộp báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý cấp cao trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
5. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.
6. Các thành viên HĐQT (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
8. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch, hoặc Phó Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc, thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
9. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 21: Chủ tịch, thành viên HĐQT

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty nếu không có sự phản đối của đa số ĐHĐCĐ.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch HĐQT phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.
5. Nhiệm vụ các thành viên khác của HĐQT do Chủ tịch HĐQT phân công phù hợp với hoạt động của Công ty và điều kiện công việc của từng thành viên.
6. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:
 - a) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương án phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - b) Được quyền yêu cầu các cán bộ, chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - c) Tham dự phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những hành vi của mình;
 - d) Thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT.

Điều 22: Các cuộc họp của HĐQT

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
3. Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp; những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của HĐQT.
5. Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi tổ chức, với

điều kiện các thành viên hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

6. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong vòng 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại mục 7b Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại mục 7d Điều này, trong một cuộc họp HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào đó phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162 Khoản 1 của Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

8. Tuyên bố lợi ích. Một thành viên HĐQT mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi

thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

9. Biểu quyết đa số HĐQT thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.
11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:
 - a) Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;
 - b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

13. Biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.
14. Những người được mời họp dự thính: các thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.
15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, một tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Nghị quyết đó không phải là thành viên HĐQT.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của HĐQT, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc HĐQT hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 23: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Giám đốc tài chính do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 24: Cán bộ quản lý cấp cao

1. Cán bộ quản lý cấp cao phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Cán bộ quản lý cấp cao của công ty là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng của công ty.

3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, công ty có thể có thêm các chức danh quản lý khác là Cán bộ quản lý cấp cao.
4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định. Hợp đồng tiền lương và các quyền lợi khác của các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Cán bộ quản lý cấp cao sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 25: Cán bộ quản lý khác

Theo quyết định của Tổng Giám đốc, công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý khác cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý. HĐQT có quyền xem xét và đề xuất thay đổi cơ cấu cán bộ quản lý khác nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý khác này không bao gồm các cán bộ quản lý cấp cao do HĐQT quyết định ở Điều 24.

Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. **Bổ nhiệm:** HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 3 (ba) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Đối với cán bộ quản lý cấp cao:
 - Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý cấp cao mà Công ty cần thuê (hoặc không cần tiếp tục sử dụng) để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất;

- Đề xuất HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý cấp cao.

- d) Quyết định số lượng và các loại cán bộ quản lý khác (không bao gồm cán bộ quản lý cấp cao) mà Công ty cần thuê để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý khác này. Trường hợp HĐQT xét thấy cần thay đổi, số lượng cán bộ quản lý khác này và mức lương, thù lao, các lợi ích khác của các cán bộ quản lý khác thì các quyết định theo khoản này sẽ phải thông qua HĐQT.
 - e) Số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trong giới hạn cho phép chi phí lương theo kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
 - f) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.
 - g) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.
 - h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
 - i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nghiệp vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 50% thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.

Điều 27: Thư ký Công ty

HĐQT sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng. HĐQT có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời

điểm nào nhưng không trái với quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử một hay nhiều người cùng đồng làm thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Cung cấp thông tin cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát.

IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 28: Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Công ty biết mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Theo Điều 162 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành

viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời HĐQT hoặc tiểu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông không có lợi ích liên quan đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
4. Không một thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết các thông tin này.

Điều 30: Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán, và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X- BAN KIỂM SOÁT

Điều 31: Bổ nhiệm Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a) Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
 - h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Đề cử thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Mỗi Cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ trên 30% đến 50% thì họ được đề cử 02 người; từ trên 50% đến 70% được đề cử 03 người; và trên 70% được đề cử 4 người.
 - b) Những Cổ đông nắm giữ ít hơn hoặc bằng 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Số lượng người được đề cử theo tỷ lệ quy định như ở mục a.

3. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát không được ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên, tuy nhiên trong 3 năm đầu tiên Ban kiểm soát sẽ chỉ có 3 thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khác khi họ tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
 6. Sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.
 7. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ ĐHĐCĐ tiếp theo. Khi bầu thành viên của Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội Cổ đông.
 8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

Điều 32: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong điều 19.2b và 31.2b đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Nếu Công ty có một Website, Điều lệ này phải được đưa lên Website đó.

XI- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33: Công nhân viên và công đoàn:

Tổng Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn, được công nhận theo chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

XII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34: Cổ tức

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Trong trường hợp Công ty chậm chi trả tiền cổ tức trong thời hạn quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật thì Công ty sẽ phải trả lãi đối với số cổ tức chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
5. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi Nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
7. Nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách là Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhân cổ phiếu, nhân thông báo, hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

XIII- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35: Tài khoản ngân hàng


1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch thanh toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 36: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác

Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do ĐHCĐ công ty quyết định. Hàng năm, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào các quỹ như sau:

- a) Quỹ dự trữ bắt buộc;
- b) Quỹ phúc lợi tập thể;
- c) Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh;
- d) Quỹ khen thưởng.

Điều 37: Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó. 

Điều 38: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 39: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng năm

1. Công ty phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm và gửi về cơ quan thuế và cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi đến tất cả các Cổ đông. Khi Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được đưa lên trang Web.

XV- KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 40: Kiểm toán

1. Hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập và được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được HĐQT chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty Kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo kế toán hàng năm, cho biết các khoản thu chi của Công ty; lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán; được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà mọi Cổ đông của Công ty được quyền nhận.

XVI- CON DẤU

Điều 41: Con dấu

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 42: Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Do quyết định của ĐHĐCĐ.
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 43: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

- a) Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- b) Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- c) Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 44: Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b) Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay các cán bộ quản lý khác.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu HĐQT chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XIX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 46: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX- NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47: Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XX chương, 47 điều, được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần truyền thông VMG nhất trí thông qua ngày 11 tháng 09 năm 2020 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY, 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Bình Dương